

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/KDTM-ST.

Ngày: 18-5-2018.

V/v: “*Tranh chấp về nghĩa vụ
thanh toán trong hợp đồng mua
bán hàng hóa*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hương;
2. Ông Nguyễn Công Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLST-KDTM ngày 04/12/2017 về việc “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐST-KDTM ngày 29 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) MC.

Địa chỉ: Số 35 đường PT, thị trấn ĐP, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Võ Thị C, sinh năm 1970. Chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Công M, sinh năm 1963 là Chủ Doanh nghiệp tư nhân (DNTN) MT. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã QT, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn S, xã QT, huyện QS, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

4. *Người làm chứng:* Ông Lê Bắc L, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn- bà Võ Thị C trình bày: Năm 2013, Công ty trách nhiệm hữu hạn MC (sau đây gọi tắt là công ty) có cung cấp xi măng cho DNTN MT, chủng loại là xi măng Thanh Long. Trong quá trình mua bán, công ty trực tiếp liên lạc qua điện thoại cho bà Hồ Thị T và trao đổi về số lượng, đơn giá, hình thức thanh toán. Theo thỏa thuận, công ty cung cấp hàng và đến cuối tháng DNTN MT sẽ thanh toán dứt điểm số tiền hàng đã mua nợ trong tháng. Đến ngày 24/01/2014, ông Đoàn Công M là chủ DNTN MT đã ký đối chiếu công nợ với công ty, số tiền ông M còn nợ là 36.217.000 đồng. Mặc dù, công ty đã nhắc nhở và đi thu tiền nhiều lần nhưng DNTN MT vẫn không chịu thanh toán số nợ trên. Vì vậy, công ty yêu cầu ông Đoàn Công M là chủ DNTN MT phải thanh toán số tiền 36.217.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 31/12/2018. Nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên hòa giải ngày 23/3/2018 và tại phiên tòa, bị đơn - ông Đoàn Công M trình bày: Ngày 24/01/2014, ông có đối chiếu công nợ với công ty MC và còn nợ số tiền là 36.217.000 đồng nhưng do điều kiện làm ăn, kinh doanh thua lỗ nên ông không có điều kiện trả một lần. Ông thống nhất trả số tiền 36.217.000 đồng nhưng đề nghị được trả dần.

Tại bản tự khai ngày 03/4/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị T trình bày: Gia đình bà có mua bán vật liệu xây dựng tại ngã ba chợ N, xã QT, bà có gặp anh L vào nhà xin tiếp thị bán xi măng Thanh Long, qua hình thức thanh toán là bán hết xi măng thì thanh toán tiền. Bà nhận hàng và đã thanh toán tiền cho anh L. Sau này, anh L có bán tiếp xi măng nhưng qua thanh toán tiền với công ty MC, do anh L nhờ thanh toán qua MC thu hộ. Bà thừa nhận còn nợ công ty MC số tiền là 36.217.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 09/5/2018, người làm chứng- anh Lê Bắc L trình bày: Năm 2013, anh là nhân viên kinh doanh của công ty Xi măng Thanh Long đã đến hỗ trợ bán hàng cho nhà phân phối MC trên địa bàn huyện QS. Trong thời gian đó, được sự cho phép của nhà phân phối MC anh đã hỗ trợ bán hàng cho các đại lý trên địa bàn. Năm 2013, anh đã hỗ trợ bán cho cửa hàng vật liệu xây dựng MT ở xã QT, QS, Quảng Nam số lượng xi măng Thanh Long theo yêu cầu của MT. Số lượng mua bán, thanh toán theo như sổ công nợ của công ty MC có đối chiếu hằng tháng với MT. Việc cho nhận hàng và thanh toán đều do công ty MC quyết định, bản thân anh chỉ là người hỗ trợ chăm sóc khách hàng cho nhà phân phối MC.

Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn ra Quyết định trưng cầu giám định số 01/2018/QĐ-

TCGD ngày 29/01/2018 đối với chữ ký được cho là của ông Đoàn Công M và bà Hồ Thị T trong Sổ ghi chi tiết công nợ nhận hàng, thanh toán do nguyên đơn cung cấp. Theo kết luận giám định số 16/KLGD-PC54 ngày 28/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận: Chữ ký trong Sổ ghi chi tiết công nợ nhận hàng, thanh toán giữa công ty MC và DNTN MT là của ông Đoàn Công M và bà Hồ Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhiều lần vắng mặt là vi phạm quy định về nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền là 36.127.000 đồng và thống nhất trả nợ từ nay đến cuối năm 2018. Căn cứ vào Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên buộc ông Đoàn Công M, chủ DNTN MT phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 36.127.000 đồng từ nay đến ngày 31/12/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 24/01/2014, ông Đoàn Công M - chủ Doanh nghiệp tư nhân MT và nguyên đơn đã thực hiện đối chiếu công nợ theo hợp đồng mua bán xi măng. Nguyên đơn yêu cầu ông Đoàn Công M- Chủ DNTN MT thanh toán số tiền nợ là 36.217.000 đồng. Ông Đoàn Công M - chủ Doanh nghiệp tư nhân MT cư trú tại thôn S, xã QT, huyện QS. Do đó, quan hệ pháp luật giải quyết là “*tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 229 xét xử vắng mặt họ.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Việc mua bán xi măng giữa Công ty TNHH MC với ông Đoàn Công M- Chủ DNTN MT được thực hiện từ ngày 31/3/2013, thông qua hình thức là bán hàng điện thoại, bên bán giao hàng và bên mua có nghĩa vụ thanh toán vào cuối tháng. Việc giao nhận hàng, chủng loại hàng, số lượng, xe vận chuyển, thanh toán, đối chiếu công nợ được công ty TNHH MC ghi chép cụ thể vào Sổ ghi chi tiết công nợ nhận hàng và khi đối chiếu công nợ, thanh toán có chữ ký xác nhận của ông Đoàn Công M, bà Hồ Thị T. Tại phiên tòa, ông M - Chủ DNTN MT thừa nhận khi ông vắng mặt thì

vợ ông - bà T thay mặt ông nhận hàng, ký đối chiếu công nợ, ký thanh toán vào Sổ ghi chi tiết công nợ nhận hàng; ông M thừa nhận đã đối chiếu công nợ vào ngày 24/01/2014 và hiện nay còn nợ nguyên đơn số tiền là 36.217.000 đồng. Như vậy, việc mua bán xi măng giữa nguyên đơn và bị đơn dựa trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết hợp đồng mua bán, nguyên đơn và bị đơn có đủ thẩm quyền và năng lực giao kết hợp đồng nên việc mua bán trên là hợp pháp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán sau khi đã có đối chiếu công nợ mặc dù đã được nguyên đơn nhắc nhở nhiều lần. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán xi măng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông M thanh toán số nợ 36.217.000 đồng, thời hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 31/12/2018. Ông M thống nhất trả số tiền 36.217.000 đồng và thời hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 31/12/2018.

Tại bản tự khai ngày 09/5/2018, người làm chứng- anh Lê Bắc L trình bày: anh là nhân viên kinh doanh của Công ty xi măng Thanh Long hỗ trợ bán hàng cho nhà phân phối MC trên địa bàn huyện Quế Sơn, trong đó có hỗ trợ bán hàng cho cửa hàng vật liệu xây dựng MT ở xã QT, QS, Quảng Nam số lượng xi măng Thanh Long theo yêu cầu của MT. Số lượng mua bán, thanh toán theo như sổ công nợ của công ty MC có đối chiếu hằng tháng với MT. Do đó, việc ông M, bà T cho rằng việc mua bán và thanh toán cho anh L là không đúng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự và các Điều 24, 50 Luật Thương mại, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đoàn Công M - chủ DNTN MT trả cho công ty TNHH MC số tiền là 36.217.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký là 2.600.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu. Nguyên đơn đã thanh toán xong số tiền trên cho cơ quan giám định.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; các Điều 24, 50 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MC về việc “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Buộc ông Đoàn Công M - Chủ DNTN MT có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MC số tiền là 36.217.000 (*Ba mươi sáu triệu, hai trăm mười bảy nghìn*) đồng. Thời hạn trả nợ cuối cùng là vào ngày 31/12/2018.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng, ông Đoàn Công M - Chủ DNTN MT phải chịu. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 905.425 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006547 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ